

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

**-Thư ký phiên Tòa:** Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị Túy P, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: 265 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV. H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theodon khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Túy P trình bày:** Chị và anh Nguyễn Xuân N tổ chức lễ cưới vào năm

2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã A. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở phường N được 02 năm, đến năm 2013 thì vợ chồng ra thuê nhà sống tại phường Đ. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường nảy sinh kinh cãi và có lần còn xô xát đánh nhau, nguyên nhân là do anh N thường xuyên nhậu và ham mê cờ bạc số đề gây nợ nần, chị nhiều lần trả nợ cờ bạc và khuyên anh N từ bỏ nhưng anh N không thay đổi. Ngoài ra anh N có nghề tài xế nhưng làm có tiền không phụ giúp cho chị nuôi con mà chỉ chi tiêu cho bản thân, mọi chi phí sinh hoạt đều do một mình chị lo. Đến tháng 10/2019 thì anh N bỏ về nhà cha mẹ anh ở phường N sống, từ khi bỏ đi không có lần nào anh N quay về thăm con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Mạnh K (sinh ngày 01.6.2012) và Nguyễn Linh Đ (sinh ngày 02.9.2016) hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con 4.000.000đ/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Xuân N trình bày:* Anh và chị P cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh được khoảng 04, 05 năm thì vợ chồng ra phường Đ thuê nhà sống. Vợ chồng chung sống thường có lời qua tiếng lại, chị P hay nói hờn, anh nóng nên đánh chị P, sau đó thì anh quyết định bỏ về N sống. Từ đó anh chị không còn qua lại, liên lạc gì với nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh thống nhất ly hôn với chị Hồ Thị Túy P.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Mạnh K (sinh ngày 01.6.2012) và Nguyễn Linh Đ (sinh ngày 02.9.2016) hiện đang ở với chị P. Ly hôn anh thống nhất giao hai con cho chị P nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho chị P nuôi hai con là 4.000.000đ/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Túy P và anh Nguyễn Xuân N.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Mạnh K và Nguyễn Linh Đ cho chị Hồ Thị Túy P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/cháu.

- Về án phí: Buộc chị Hồ Thị Túy P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Nguyễn Xuân N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Túy P và anh Nguyễn Xuân N có thời gian tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được UBND phường N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị P và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến việc sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Trong quá trình làm việc, chị P và anh N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thống nhất ly hôn; tuy nhiên khi Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên thì anh N không đến nên không thể tiến hành phiên họp hòa giải được. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị P, anh N thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn, sống ly thân nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Túy P và anh Nguyễn Xuân N.

[2.2] Về con chung: Chị P, anh N xác định có 02 người con tên Nguyễn Mạnh K (sinh ngày 01.6.2012) và Nguyễn Linh Đ (sinh ngày 02.9.2016) hiện đang ở với chị P. Chị P, anh N thống nhất giao cháu K và cháu Đ cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng và anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng/người con. Trên cơ sở xem xét ý kiến của cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ và xét sự thỏa thuận của chị P, anh N là tự nguyện, không trái điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị P anh N, giao cháu Nguyễn Mạnh K và Nguyễn Linh Đ cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi người con Nguyễn Mạnh K mỗi tháng 2.000.000đ và người con Nguyễn Linh Đ mỗi tháng 2.000.000đ.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị Túy P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001486 ngày 15.12.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Nguyễn Xuân N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Túy P và anh Nguyễn Xuân N.**

**2/ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:**

2.1. Giao 02 người con tên Nguyễn Mạnh K (sinh ngày 01.6.2012) và Nguyễn Linh Đ (sinh ngày 02.9.2016) cho chị P tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Buộc anh Nguyễn Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Nguyễn Mạnh K (sinh ngày 01.6.2012) mỗi tháng 2.000.000đ và người con Nguyễn Linh Đ (sinh ngày 02.9.2016) mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 3.2021 cho đến khi cháu K và cháu Đ đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3/ Về tài sản chung:** Chị P, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4/ Về án phí sơ thẩm:**

4.1. Chị Hồ Thị Túy P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001486 ngày 15.12.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4.2. Anh Nguyễn Xuân N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

**5/ Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn anh Nguyễn Xuân N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**6/ Quyền, nghĩa vụ thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**